TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **259**/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 29 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 147/2026/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 2002; Địa chỉ: Thôn C, xã S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn*: Anh **Đỗ Tuấn A**, sinh năm 1991; nơi ĐKHK: Thôn Đ, xã S, tỉnh Tuyên Quang. Hiện đang chấp hành án hình phạt tù tại: phân trại số A, Trại giam H1, Bộ C. (Địa chỉ: Xã H, tỉnh Lào Cai).

Căn cứ vào các Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Nguyễn Thị Kim H** và anh **Đỗ Tuấn A**.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 05, ngày 21 tháng 02 năm 2025 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã S, tỉnh Tuyên Quang))

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Đỗ Tuấn A đều xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- ***Về tài sản chung:*** Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Đỗ Tuấn A đều xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- ***Về vay nợ chung:*** Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Đỗ Tuấn A đều xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- ***Về án phí:*** Chị Nguyễn Thị Kim H tự nguyện nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000013972821, ngày 19/3/2026 của Công ty cổ phần T và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 91, ngày 23/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Nguyễn Thị Kim H còn được nhận lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Đỗ Tuấn A không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 1 – Tuyên Quang (02 bản);
- THADS tỉnh Tuyên Quang (để thi hành);
- UBND xã S (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến